

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Hà Nội, tháng 02 - 2023

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mục lục

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04 - 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

09 - 10

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

11 - 29

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty TNHH PVChem - Tech (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty

Công ty TNHH PVChem - Tech là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109467561 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2020. Trước đó, vào ngày 08/10/2020 Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP là công ty mẹ đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-PVChem thành lập công ty con là Công ty TNHH PVChem – Tech được tái cấu trúc và có trách nhiệm kế thừa, tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với lao động, tài sản, tài chính, các hợp đồng kinh tế... từ Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật (PVChem – RT).

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp ngày 24/12/2020 là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Thông tin về chủ sở hữu Công ty

Chủ sở hữu: Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty TNHH PVChem - Tech đã điều hành Chi nhánh trong giai đoạn báo cáo và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ An	Giám đốc
Ông Đỗ Thành Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hoàn	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Trong kỳ hoạt động, ngoài những khoản thu nhập theo quy định của Công ty, Ban Giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản thu nhập nào khác và không có bất kỳ sự dàn xếp nào có lợi riêng cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công bố Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Vũ An

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số: 03/2023-BCKT/FICI/PVCHEM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

của Công ty TNHH PVCHEM - TECH

Kính gửi : Chủ sở hữu và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH PVChem - Tech (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH PVChem - Tech tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỊNH GIÁ FICI

Phó Giám đốc



Lê Minh Hải

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3397-2020-331-1

Kiểm toán viên

Ngô Công Nam

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4934-2022-331-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.038.326.708	67.418.807.274
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.227.086.351	6.021.601.274
1. Tiền	111	V.1.	21.227.086.351	4.021.601.274
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1.	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	7.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	2.000.000.000	7.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.004.843.551	49.667.858.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	52.073.265.706	27.222.518.457
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	6.084.670.146	630.695.205
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	19.846.907.699	21.814.644.473
IV. Hàng tồn kho	140		16.973.238.176	4.023.358.944
1. Hàng tồn kho	141	V.6.	16.973.238.176	4.023.358.944
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.833.158.630	305.988.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	3.833.158.630	305.988.921
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.174.787.803	853.667.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		208.781.760	208.781.760
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	208.781.760	208.781.760
II. Tài sản cố định	220		359.330.409	458.551.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	310.163.742	413.551.654
- Nguyên giá	222		564.152.064	564.152.064
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(253.988.322)	(150.600.410)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	49.166.667	45.000.000
- Nguyên giá	228		90.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.833.333)	(15.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		606.675.634	186.334.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	606.675.634	186.334.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.213.114.511	68.272.474.970

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		94.209.138.095	37.319.392.263
I. Nợ ngắn hạn	310		94.209.138.095	37.319.392.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	50.739.706.596	31.820.509.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	1.008.400.000	1.611.142.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	1.005.392.438	1.155.080.804
4. Phải trả người lao động	314		991.036.812	429.034.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	-	2.265.833.182
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	1.055.082.326	37.791.419
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	39.409.519.923	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.003.976.416	30.953.082.707
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.003.976.416	30.953.082.707
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16.	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn đầu tư	4111		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.003.976.416	953.082.707
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.003.976.416	953.082.707
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.213.114.511	68.272.474.970

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Tạ Thị Trinh



Hoàng Tiến Thành



Vũ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

MẪU B02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1.	200.635.369.498	90.134.337.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và và cung cấp dịch vụ	10		200.635.369.498	90.134.337.415
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	190.966.686.561	86.689.439.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.668.682.937	3.444.897.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.066.477.709	799.512.061
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.065.391.149	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.065.391.149	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	4.128.445.141	1.272.358.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.541.324.356	2.972.051.287
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.279.176.725	-
12. Chi phí khác	32	VI.6.	1.791.821.621	61.083.023
13. Lợi nhuận khác	40		(512.644.896)	(61.083.023)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.028.679.460	2.910.968.264
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	1.024.703.044	407.885.557
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.003.976.416	2.503.082.707

Người lập



Tạ Thị Trinh

Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Thành

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Vũ An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Mẫu B03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.028.679.460	2.910.968.264
2. Điều chỉnh cho các khoản			128.134.685	(138.019.731)
- Khấu hao TSCĐ	02		129.221.245	165.600.410
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.066.477.709)	(303.620.141)
- Chi phí lãi vay	06		1.065.391.149	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.156.814.145	2.772.948.533
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.336.985.416)	(49.876.639.895)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.949.879.232)	(4.023.358.944)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		17.235.132.846	36.992.351.417
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.947.511.061)	(492.323.203)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.065.391.149)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(779.609.981)	(80.844.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2.401.888.277
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(953.082.707)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.640.512.555)	(12.305.978.526)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21		(30.000.000)	(60.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.084.350.000)	(7.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.484.350.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.066.477.709	303.620.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.436.477.709	(7.156.379.859)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	27.033.959.659

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày
 31/12/2022

2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	77.909.277.948	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.499.758.025)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(1.550.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>36.409.519.923</i>	<i>25.483.959.659</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	17.205.485.077	6.021.601.274
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.021.601.274	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 VII.1.	23.227.086.351	6.021.601.274

Người lập



Tạ Thị Trinh

Kế toán trưởng



Hoàng Tiến Thành

Hà Nội ngày 20 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Vũ An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH PVChem - Tech là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109467561 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2020. Trước đó, vào ngày 08/10/2020 Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP là công ty mẹ đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-PVChem thành lập công ty con là Công ty TNHH PVChem – Tech được tái cấu trúc và có trách nhiệm kế thừa, tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với lao động, tài sản, tài chính, các hợp đồng kinh tế... từ Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật (PVChem – RT).

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp ngày 24/12/2020 là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ chống ăn mòn công trình công nghiệp; - Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ dầu khí khác; - Đánh giá tác động môi trường và đưa ra các biện pháp xử lý môi trường; Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Mua bán thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp và dân dụng; - Mua bán thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học; Xăng, dầu Diesel, dầu đốt nóng, dầu hỏa, dầu nhớt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Kinh doanh hoá chất công nghiệp; - Kinh doanh các hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị, máy móc phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế khác; - Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp; - Kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng phục vụ ngành công nghiệp dầu khí, công nghiệp điện và các ngành kinh tế khác; - Bán buôn ga công nghiệp: oxy, hydro, nitơ, H₂O₂ và các loại khí khác. - Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polypropylen, PE, HDPE, LDPE, LLDPE và các sản phẩm khác có liên quan; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; - Bán buôn nhựa đường và các loại nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; - Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan; - Mua bán trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy; - Mua bán trang phục, dụng cụ bảo hộ lao động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: - Dịch vụ phân tích, thí nghiệm dung dịch khoan và các hóa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

- phẩm trong thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa dầu khí; Dịch vụ phân tích, kiểm định, giám định các sản phẩm dầu mỏ; - Dịch vụ phân tích, kiểm tra đánh giá ăn mòn kim loại;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
 - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. Chi tiết: Lập đề án tìm kiếm thăm dò khoáng sản; Thi công tìm kiếm, thăm dò khoáng sản;
 - Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm nguyên liệu và các thiết bị phục vụ cho nghiên cứu chuyển giao công nghệ, dịch vụ gia tăng tuổi thọ công trình, dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Thu gom rác thải không độc hại;
 - Thu gom rác thải độc hại;
 - Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
 - Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
 - Tái chế phế liệu.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Cơ sở lập Báo cáo tài chính, Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản, và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian</u>
- Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
- Phần mềm kế toán	03 - 05 năm

Trong năm 2022 đơn vị đã mua sắm một số tài sản cố định đã qua sử dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh và xác định thời gian sử dụng còn lại, tính và trích khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

6.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo này để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là khoản thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20% và các quy định về thuế khác có liên quan.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN****cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
1.1. Tiền mặt tại quỹ	9.472.174	17.858.122
1.2. Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	21.217.614.177	4.003.743.152
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	166.184.310	132.586.276
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch	13.595.470.883	3.503.260.214
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (Dùng cho dự án)	483.308.698	
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hai Bà Trưng	2.339.661.314	10.042.877
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	4.632.988.972	357.853.785
1.3. Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn: Từ 3 tháng trở xuống	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng (1)	23.227.086.351	6.021.601.274
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
2.1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	7.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn: Trên 3 tháng	2.000.000.000	7.400.000.000
Cộng (2)	2.000.000.000	7.400.000.000
3. Phải thu khách hàng	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	52.073.265.706	27.222.518.457
- Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	12.551.792.710	
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	6.663.300.414	
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Petrotech		5.814.038.622
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Tín Nghĩa	5.688.498.078	2.323.280.246
- Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định		7.866.538.826
- Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		5.746.670.600
- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	11.231.500.000	
- Các đối tượng khác	15.938.174.504	5.471.990.163
3.2. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng (3)	52.073.265.706	27.222.518.457

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày
 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2022 (VNĐ)	01/01/2022 (VNĐ)
Trong đó:		
3.3. Phải thu khách hàng các bên liên quan	39.475.222.610	-
- Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	12.551.792.710	
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	6.663.300.414	
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.773.116.200	
- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	11.231.500.000	
- Chi nhánh Khí Hải Phòng - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	141.782.202	
- Chi nhánh Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	2.276.976.377	
- Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	424.000.000	
- Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	625.356.720	
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	1.787.397.987	
Cộng (3.3)	39.475.222.610	-
4. Trả trước cho người bán	31/12/2022 (VNĐ)	01/01/2022 (VNĐ)
4.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.084.670.146	630.695.205
- Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	113.454.372
- Ametek Process and Analytical Instruments Division	-	404.490.833
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Sản xuất Nội thất MAXVIET	-	112.750.000
- Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	2.500.000.000	
- Công ty TNHH Ronin Composite	2.350.000.000	
- Các khách hàng khác	1.234.670.146	-
4.2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng (4)	6.084.670.146	630.695.205

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN****cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

5. Phải thu khác	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
5.1. Phải thu khác ngắn hạn	19.846.907.699	21.814.644.473
- Phải thu khác	1.322.594.172	6.575.089.126
+ Phải thu khác: Hoạt động tài chính	326.400.458	599.843.901
<i>Phải thu khác từ dự thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	326.400.458	495.891.920
<i>Phải thu khác: Hoạt động tài chính</i>	-	103.951.981
+ Phải thu khác	996.193.714	5.975.245.225
<i>Phải thu khác từ bán hàng đang chờ ghi nhận sang công nợ phải thu khách hàng</i>	-	5.828.156.115
<i>Phải thu khác</i>	996.193.714	147.089.110
- Tạm ứng	1.278.841.812	974.116.752
- Thẻ chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.245.471.715	14.265.438.595
5.2. Phải thu khác dài hạn	208.781.760	208.781.760
- Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	208.781.760	208.781.760
Cộng (5)	20.055.689.459	22.023.426.233
6. Hàng tồn kho	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	16.973.238.176	4.023.358.944
Cộng (6)	16.973.238.176	4.023.358.944
7. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	3.833.158.630	305.988.921
- Công cụ dụng cụ đồng dùng văn phòng xuất dùng	22.069.630	87.753.938
- Phí bảo hiểm trách nhiệm cao (TNC) PVI Care	13.818.596	6.901.983
- Chi phí trả trước khác phục vụ các dự án	3.797.270.404	211.333.000
7.2 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	-
Cộng (7)	3.833.158.630	305.988.921

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định**8.1 Tài sản cố định Hữu hình****(VNĐ)**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá		
- Số dư 01/01/2022	564.152.064	564.152.064
+ Mua trong năm	-	-
- Số dư 31/12/2022	564.152.064	564.152.064
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư 01/01/2022	150.600.410	150.600.410
+ Khấu hao trong năm	103.387.912	103.387.912
- Số dư 31/12/2022	253.988.322	253.988.322
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2022	413.551.654	413.551.654
- Tại ngày 31/12/2022	310.163.742	310.163.742

8.2 Tài sản cố định Vô hình

Khoản mục	Phần mềm các loại	Tổng cộng
Nguyên giá		
- Số dư 01/01/2022	60.000.000	60.000.000
+ Mua trong năm	30.000.000	30.000.000
- Số dư 31/12/2022	90.000.000	90.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư 01/01/2022	15.000.000	15.000.000
+ Khấu hao trong năm	25.833.333	25.833.333
- Số dư 31/12/2022	40.833.333	40.833.333
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2022	45.000.000	45.000.000
- Tại ngày 31/12/2022	49.166.667	49.166.667

9. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2022 (VNĐ)	01/01/2022 (VNĐ)
- Chi phí trả trước dài hạn	606.675.634	186.334.282
+ Công cụ dụng cụ xuất dùng	147.108.262	
+ Chi phí trả trước dài hạn khác "Nội thất văn phòng tại tòa nhà IDMC 15 Phạm Hùng" và "Nội thất phòng thí nghiệm"	459.567.372	186.334.282
Cộng (9)	606.675.634	186.334.282

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải trả người bán	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
10.1 Phải trả người bán ngắn hạn	50.739.706.596	31.820.509.523
- Công ty Cổ phần vật tư và thiết bị Hải Anh	4.551.994.600	
- Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty CP - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	11.265.463.181	25.453.339.903
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	2.005.660.608	526.389.600
- Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore	-	5.058.239.381
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Tín Á Châu	3.994.548.148	
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	5.099.396.185	
- Các đối tượng khác	23.822.643.874	782.540.639
10.2 Phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng (10)	50.739.706.596	31.820.509.523
Trong đó:		
10.3 Phải trả người bán là các bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Chi nhánh Nghi Sơn - Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản dầu khí	129.600.000	
- Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	213.827.534	
- Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	11.265.463.181	25.453.339.903
Cộng (10.3)	11.608.890.715	25.453.339.903
11. Người mua trả trước	31/12/2022	01/01/2022
	(VNĐ)	(VNĐ)
11.1 Người mua trả trước ngắn hạn	1.008.400.000	1.611.142.883
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí		458.642.883
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.008.400.000	1.152.500.000
11.2 Người mua trả trước dài hạn	-	-
Cộng (11)	1.008.400.000	1.611.142.883

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản nộp Nhà nước (VNĐ)**(VNĐ)**

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm 2022	Số đã nộp trong năm 2022	Cuối năm
Các khoản phải nộp	1.155.080.804	2.429.105.886	2.578.794.252	1.005.392.438
Thuế GTGT phải nộp	796.542.442	400.418.104	796.542.442	400.418.104
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	411.749.568	411.749.568	-
Thuế nhập khẩu	-	220.632.491	220.632.491	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.040.846	1.024.703.044	779.609.981	572.133.909
Thuế thu nhập cá nhân	31.497.516	192.009.653	190.666.744	32.840.425
Các loại thuế khác	-	179.593.026	179.593.026	-
Cộng (12)	1.155.080.804	2.429.105.886	2.578.794.252	1.005.392.438

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả**31/12/2022****01/01/2022****(VNĐ)****(VNĐ)****13.1 Ngắn hạn**

Chi phí phải trả ngắn hạn

-

2.265.833.182

-

2.265.833.182

-

13.2 Dài hạn

-

2.265.833.182

Cộng (13)

-

2.265.833.182

14. Phải trả khác**31/12/2022****01/01/2022****(VNĐ)****(VNĐ)****14.1 Phải trả khác ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả, phải nộp khác

1.055.082.326

37.791.419

36.925.420

25.384.192

-

12.407.227

1.018.156.906

-

1.018.156.906

-

-

-

14.2 Phải trả khác dài hạn

1.055.082.326

37.791.419

Cộng (14)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN****cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2022 (VNĐ)	Phát sinh tăng (VNĐ)	Phát sinh giảm (VNĐ)	31/12/2022 (VNĐ)
15.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng		77.909.277.948	38.499.758.025	39.409.519.923
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hai Bà Trưng		8.036.060.286		8.036.060.286
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		18.459.993.788	18.459.993.788	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch		51.413.223.874	20.039.764.237	31.373.459.637
15.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng (15)	-	77.909.277.948	38.499.758.025	39.409.519.923

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hai Bà Trưng dưới hình thức giải ngân từng lần vào số tài khoản nhận nợ tại Ngân hàng. Một số khoản vay như sau: Giải ngân vào số tài khoản 808005399012 ngày giải ngân 29/11/2022, khoản vay 5.389.797.246 đồng với lãi suất 11%, thời hạn vay 06 tháng; giải ngân vào số tài khoản 80900545613 ngày giải ngân 28/12/2022, khoản vay 2.350.000.000 đồng với lãi suất 10,5%, thời hạn vay 06 tháng. Công ty dùng tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch dưới hình thức giải ngân từng lần vào số tài khoản nhận nợ tại Ngân hàng. Một số khoản vay như sau: Giải ngân vào số tài khoản 001030715216 ngày giải ngân 25/08/2022, khoản vay 2.596.199.997 đồng với lãi suất 5,6%, thời hạn vay 05 tháng; giải ngân vào số tài khoản 001030961976 ngày giải ngân 07/09/2022, khoản vay 3.894.572.497 đồng với lãi suất 5,6%, thời hạn vay 05 tháng; giải ngân vào số tài khoản 001031752710 ngày giải ngân 07/10/2022, khoản vay 3.045.350.000 đồng với lãi suất 6,3%, thời hạn 05 tháng; giải ngân vào số tài khoản 001033148838 ngày giải ngân 25/11/2022 với số tiền 3.045.350.000 đồng với lãi suất 7%, thời hạn 05 tháng. Công ty đã ký các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietcombank làm khoản bảo lãnh cho các khoản vay này.

16. Vốn chủ sở hữu**16.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 1 - Trang số: 29)**

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Theo GCN đăng ký DN (VNĐ)	Vốn thực góp (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư			
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng (16)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Doanh thu	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.635.369.498	90.134.337.415
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.635.369.498	90.134.337.415
Cộng (1)	200.635.369.498	90.134.337.415
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	190.966.686.561	86.689.439.852
Cộng (2)	190.966.686.561	86.689.439.852
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.066.477.709	799.512.061
Cộng (3)	1.066.477.709	799.512.061
4. Chi phí tài chính	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Lãi tiền vay	1.065.391.149	-
Cộng (4)	1.065.391.149	-
5. Thu nhập khác	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Phải thu khác theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi "Dự án sản xuất PET chip tái chế từ chai nhựa PET phế liệu"	1.269.000.000	-
- Thu nhập khác	10.176.725	-
Cộng (5)	1.279.176.725	-
6. Chi phí khác	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Chi phí bồi thường, bị phạt	81.990.083	-
- Chi phúc lợi theo Quy chế của Công ty	432.476.993	61.083.023
- Chi phí khác khoản Hợp đồng cung cấp dịch vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi "Dự án sản xuất PET chip tái chế từ chai nhựa PET phế liệu"	1.269.000.000	-
- Chi phí khác	8.354.545	-
Cộng (6)	1.791.821.621	61.083.023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Chi phí nhân viên quản lý		1.038.358.455	273.892.705
- Chi phí Nguyên vật liệu quản lý		90.693.975	13.522.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng		490.929.905	450.447.235
- Chi phí khấu hao TSCĐ		25.833.333	15.000.000
- Thuế, phí và lệ phí		3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		2.102.292.407	259.289.513
- Chi phí bằng tiền khác		377.337.066	257.206.884
Cộng (7)		4.128.445.141	1.272.358.337
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.028.679.460	2.910.968.264
- Các khoản TN không tính vào TN chịu thuế TNDN		-	-
- Các khoản CP không được khấu trừ vào TN chịu thuế TNDN		81.990.083	2.500.000
- Lỗ năm trước được trừ vào LN trước thuế		-	-
- Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm		5.110.669.543	2.913.468.264
- Chi phí thuế TNDN hiện hành		1.024.703.044	407.885.557
9. Các loại công cụ tài chính			
9.1 Tài sản tài chính			
		Giá trị ghi sổ (VNĐ)	
		31/12/2022	01/01/2022
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.227.086.351	6.021.601.274	23.227.086.351
- Phải thu khách hàng	52.073.265.706	27.222.518.457	52.073.265.706
- Trả trước cho người bán	6.084.670.146	630.695.205	6.084.670.146
- Phải thu khác	2.601.435.984	7.549.205.878	2.601.435.984
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	7.400.000.000	2.000.000.000
- Các khoản ký quỹ	17.454.253.475	14.474.220.355	17.454.253.475
- Tài sản tài chính khác	4.439.834.264	492.323.203	4.439.834.264
Tổng cộng	107.880.545.926	63.790.564.372	107.880.545.926
		Giá trị hợp lý (VNĐ)	
		31/12/2022	01/01/2022
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.227.086.351	23.227.086.351	6.021.601.274
- Phải thu khách hàng	52.073.265.706	52.073.265.706	27.222.518.457
- Trả trước cho người bán	6.084.670.146	6.084.670.146	630.695.205
- Phải thu khác	2.601.435.984	2.601.435.984	7.549.205.878
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	7.400.000.000
- Các khoản ký quỹ	17.454.253.475	17.454.253.475	14.474.220.355
- Tài sản tài chính khác	4.439.834.264	4.439.834.264	492.323.203
Tổng cộng	107.880.545.926	107.880.545.926	63.790.564.372

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9.2 Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ (VNĐ)		Giá trị hợp lý (VNĐ)	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
- Các khoản vay	39.409.519.923	-	39.409.519.923	-
- Phải trả người bán	50.739.706.596	31.820.509.523	50.739.706.596	31.820.509.523
- Người mua trả trước	1.008.400.000	1.611.142.883	1.008.400.000	1.611.142.883
- Thuế phải nộp	1.005.392.438	1.155.080.804	1.005.392.438	1.155.080.804
- Chi phí phải trả	-	2.265.833.182	-	2.265.833.182
- Phải trả người lao động	991.036.812	429.034.452	991.036.812	429.034.452
- Phải trả khác	1.055.082.326	37.791.419	1.055.082.326	37.791.419
Tổng cộng	94.209.138.095	37.319.392.263	94.209.138.095	37.319.392.263

10. Các bên liên quan**10.1 Danh sách bên liên quan:****Mối quan hệ**

- Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem)	Công ty mẹ sở hữu 100% vốn
- CN Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ kỹ thuật (PVChem - RT)	Cùng Công ty mẹ
- Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Khí Hải Phòng - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Nghi Sơn - Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản dầu khí	Cùng Tập đoàn
- Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	Cùng Tập đoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10.2 Trong năm Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
- Doanh thu bán hàng		
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	30.229.783.551	708.571.429
Chi nhánh Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	2.237.455.055	4.529.766.364
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	36.484.665.000	
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	1.461.286.920	
Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ dầu khí	529.088.000	
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	12.000.000	
- Mua hàng		
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	59.649.190.457	
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	298.313.035	
- Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ghi nhận trước từ PVChem - RT	127.643.836	103.951.981

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/12/2022 (VNĐ)	01/01/2022 (VNĐ)
1. Tiền và tương đương tiền		
1.1. Tiền mặt	9.472.174	17.858.122
1.2. Tiền gửi ngân hàng	21.217.614.177	4.003.743.152
1.3. Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	23.227.086.351	6.021.601.274

VIII. Những thông tin khác**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào có thể ảnh hưởng và làm cho các số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

2. Tình hình hoạt động liên tục của Công ty

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
3.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
- Bố trí cơ cấu tài sản			
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99,062	98,750
+ Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,938	1,250
- Bố trí cơ cấu vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	75,239	54,662
+ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,761	45,338
3.2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,329	1,829
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,317	1,807
- Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,247	0,161
3.3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,506	3,230
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,996	2,777
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,016	4,264
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,198	3,666
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	12,914	8,087

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Giám đốc


Hoàng Tiến Thành
Vũ An

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu

Phụ lục số 1
Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000				30.000.000.000
- Lãi trong năm trước				2.503.082.707	2.503.082.707
- Tăng khác			-		-
- Giảm vốn trong năm trước	-				-
- Lỗ trong năm trước				-	-
- Tạm tính lãi trong năm phải chuyển Tổng Công ty					-
2. Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
				953.082.707	30.953.082.707
3. Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	-	953.082.707	30.953.082.707
- Tăng vốn trong năm nay	-		-		-
- Lãi trong năm nay			-	4.003.976.416	4.003.976.416
- Tăng khác			-		-
- Giảm vốn trong năm nay	-				-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(953.082.707)	(953.082.707)
- Tạm tính lãi trong năm phải chuyển Tổng Công ty			-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	-	-	1.003.976.416	31.003.976.416